

Số: /KH-SGDĐT

Bình Phước, ngày tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước năm 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT) ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023-2025;

- Kế hoạch số 382/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về triển khai công tác chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Bình Phước 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thực hiện chuyển đổi số tổng thể, toàn diện, tập trung khai thác, chia sẻ dữ liệu số hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong tỉnh, chia sẻ dữ liệu từ cơ quan Trung ương nhằm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và hoạt động của người dân, doanh nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, tạo ra các giá trị mới cho xã hội.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả nhiệm vụ và từng bước hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh.

- Thực hiện số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) còn hiệu lực trong giải quyết TTHC trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, phục vụ cải cách hành chính.

- Nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan, kiên quyết khắc phục những hạn chế, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo thiết thực, hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế, hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra, góp phần cải thiện và nâng cao chỉ số DTI của Sở năm 2025 (duy trì thuộc nhóm Khá của tỉnh).

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Chính quyền số

- Đảm bảo 100% công chức thuộc cơ quan Sở thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ của cá nhân, của Phòng, của Sở trong công việc.

- Phân đầu tỷ lệ TTHC đủ điều kiện theo quy định pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100%.

- Phân đầu tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ đạt 100%.

- Phân đầu tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến (toàn trình) đạt 75%.

- Phân đầu tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 95%.

- Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 85%.

- 100% văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số theo quy định (*trừ văn bản mật*).

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng chữ ký số.

- 100% cơ sở giáo dục sử dụng học bạ, hồ sơ, giáo án điện tử; sổ liên lạc điện tử; quản lý giáo viên; quản lý lớp học; quản lý học sinh; quản lý học tập; quản lý sổ điểm; tổng kết học tập, tuyển sinh đầu cấp, ...

- Xây dựng kho học liệu số, bài giảng điện tử của tỉnh; sử dụng triệt để kho học liệu, bài giảng điện tử của Bộ GD&ĐT.

- Cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục đạt 100%.

- Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của Sở GD&ĐT được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của ngành đạt 50%.

2.2. Kinh tế số

- Phân đầu tỷ lệ các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục (gọi chung là đơn vị giáo dục) sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

- 100% cơ sở giáo dục trong tỉnh chấp nhận thanh toán học phí bằng hình thức không dùng tiền mặt.

2.3. Xã hội số

- 100% người dân và doanh nghiệp được hỗ trợ thực hiện TTHC, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của ngành.

- Phân đầu 100% các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý.

- Tỷ lệ học sinh từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 90%.

- 100% cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông, cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.

2.4. Bảo đảm an toàn thông tin

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản đảm bảo an toàn thông tin.
- 100% cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm của các đơn vị, cơ sở giáo dục trong tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về an toàn thông tin.
- 100% máy tính tại cơ quan Sở GD&ĐT được cài đặt nền tảng phòng chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

- Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, phối hợp với Sở TT&TT thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành, của tỉnh.
- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các đơn vị, cơ sở giáo dục (*nhất là người đứng đầu của đơn vị*) về vai trò và lợi ích của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và trong đời sống.
- Tạo điều kiện thuận lợi trong nghiên cứu, sáng tạo và thử nghiệm các công nghệ số trong giáo dục, tổ chức kết nối, tập hợp, thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển các sản phẩm ứng dụng, nền tảng giáo dục số.
- Chỉ đạo các đơn vị giáo dục tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành, tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số tỉnh Bình Phước để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

2. Thể chế số

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ tỉnh đến cơ sở để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.
- Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số do người đứng đầu cơ quan, đơn vị làm trưởng ban, có sự tham gia của các đoàn thể.

3. Hạ tầng số

- Tập trung phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành, tạo nền tảng phát triển Chính quyền số của ngành.
- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (CNTT) tại các cơ sở giáo dục bao gồm: Nâng cấp, bổ sung máy tính, máy in, máy scan và các thiết bị chuyên dùng theo đặc thù mỗi đơn vị đảm bảo đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong toàn ngành.
- Bố trí kinh phí cho việc mua, thuê các phần mềm ứng dụng trong quản lý, trong dạy và học tại các đơn vị, cơ sở giáo dục phù hợp và đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

- Nâng cấp hệ thống mạng internet tốc độ cao tại các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các trường học ở vùng sâu, vùng xa; đảm bảo 100% các cơ sở giáo dục được phủ sóng internet băng thông rộng ổn định.

4. Dữ liệu số

- Cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác dữ liệu/số liệu trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GD&ĐT.

- Phát triển các kho dữ liệu dùng chung của ngành Giáo dục; đảm bảo các phần mềm, tiện ích số, ... đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành.

- Hoàn thành triển khai hệ thống quản lý trường học (Mô hình Đề án 06/CP): Xác thực thông tin giáo viên và học sinh; cho phép giáo viên đăng nhập tài khoản VNeID (SSO); quản lý điểm, lịch học bằng việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư với hệ thống phần mềm quản lý học sinh vnEdu, ...

- Sử dụng nền tảng số dùng chung của ngành để phục vụ công tác chuyển đổi số của tỉnh (*nền tảng dạy học trực tuyến, nền tảng hoá đơn điện tử, ...*).

- Xây dựng kho học liệu số mở của tỉnh và kết nối với hệ thống học liệu quốc gia, gồm tài liệu giảng dạy, bài tập, đề thi và các tài nguyên học tập số hóa khác.

5. Nền tảng số

- Triển khai sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến, nền tảng số làm giàu kho tài nguyên giáo dục số quốc gia phục vụ công tác giảng dạy cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

- Mở rộng các công cụ số trên hệ thống phần mềm quản lý học sinh vnEdu phục vụ quản lý và dạy học.

- Tìm hiểu và từng bước áp dụng, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để phục vụ cán bộ, công chức, viên chức và học sinh, sinh viên trong quản lý và dạy học.

- Xây dựng các nền tảng học tập trực tuyến thống nhất trong toàn tỉnh, tích hợp với hệ thống quản lý học tập (LMS) và ngân hàng học liệu số dùng chung.

6. Nhân lực số

- Tham mưu với các cấp có thẩm quyền trong việc phát triển nguồn lực CNTT; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực CNTT cho toàn thể đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong toàn ngành Giáo dục.

- Cử công chức, viên chức tham gia các chương trình đào tạo về chuyển đổi số do Sở TT&TT tổ chức, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và triển khai hiệu quả các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị và trong toàn ngành.

- Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức do Bộ GD&ĐT tổ chức; triển khai nền tảng học trực tuyến mở trong bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức là đội ngũ nòng cốt về chuyển đổi số của các

cơ quan, đơn vị trong ngành. 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

- Phối hợp triển khai chương trình đào tạo nhân lực số cho cán bộ quản lý và giáo viên, với chỉ tiêu cụ thể là 100% cán bộ quản lý và 80% giáo viên được đào tạo kỹ năng số cơ bản và nâng cao.

- Tiếp tục triển khai giảng dạy 05 kỹ năng số dành cho học sinh, đặc biệt học sinh trung học, góp phần phổ cập kỹ năng số trong toàn ngành, tạo nguồn lực có chất lượng để trực tiếp hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương.

7. An toàn thông tin mạng

- Triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của cơ quan Sở.

- 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý giáo dục được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng, bao gồm cả trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục phổ thông.

- Duy trì hệ thống phần mềm phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung của tỉnh.

- Tập trung nguồn lực, triển khai tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin theo Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

8. Chính quyền số

- Tập trung số hóa toàn diện các quy trình nghiệp vụ hành chính, đẩy mạnh sử dụng chữ ký số và văn bản điện tử trong công tác quản lý, điều hành.

- Triển khai tổng thể các giải pháp nhằm nâng cao tỉ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết theo hình thức trực tuyến và sử dụng dịch vụ Bưu chính công ích.

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, rút ngắn thời gian tiếp nhận và giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của Sở GD&ĐT.

- Trang bị các thiết bị CNTT cần thiết cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC.

- Tiếp tục duy trì hoạt động của Công thông tin điện tử của Sở; tăng cường cung cấp thông tin chính xác, rõ ràng phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nhóm Zalo, thư điện tử công vụ, phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm chấm điểm Chỉ số chuyển đổi số (DTI); duy trì hoạt động chuyên trang Chuyển đổi số trên cổng thông tin điện tử Sở.

- Phối hợp với Sở TT&TT và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Cổng/Trang

thông tin điện tử liên thông từ trường đến Phòng/Sở GD&ĐT.

9. Kinh tế số

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về việc triển khai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số và phát triển kỹ năng số cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh trong toàn ngành thông qua các hình thức đa dạng như chương trình ngoại khóa, hệ thống thông tin điện tử, mạng xã hội, ...

- Đẩy mạnh ứng dụng các phần mềm, các nền tảng CNTT trong quản lý, dạy học nhằm tối ưu hóa quy trình, nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Duy trì 100% đơn vị giáo dục sử dụng hóa đơn điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

10. Xã hội số

- Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển năng lực số trong toàn ngành, chú trọng xây dựng văn hóa số và hình thành đội ngũ công dân số trong môi trường giáo dục.

- Thúc đẩy chuyển đổi toàn diện trong quản lý, giảng dạy và học tập thông qua việc số hóa quy trình nghiệp vụ, tích hợp công nghệ trong dạy học và đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá.

- Tăng cường phổ cập kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến mở đại trà. Chú trọng hướng dẫn sử dụng hiệu quả các dịch vụ số, đặc biệt là dịch vụ công trực tuyến nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và phục vụ.

- Xây dựng môi trường học tập số linh hoạt, tạo điều kiện để mọi người dân có thể chủ động học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi thông qua các nền tảng công nghệ hiện đại.

IV. CÔNG TÁC KIỂM TRA

1. Tổ Thư ký Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số chủ trì tham mưu ban hành Kế hoạch kiểm tra của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của ngành GD&ĐT năm 2025.

2. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số ngành GD&ĐT triển khai công tác kiểm tra, giám sát về chuyển đổi số tại một số đơn vị trực thuộc; chấn chỉnh và chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế sau kiểm tra.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao vai trò hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của ngành Giáo dục; thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị giáo dục quan tâm, đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng CNTT và phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số, tạo bước chuyển biến tích cực trong lề lối làm việc, gắn việc ứng dụng CNTT với đẩy mạnh CCHC trên cơ sở áp dụng thống nhất, đồng bộ các hệ thống thông tin; tăng cường trao đổi, sử dụng thông tin, tài liệu điện tử, hội nghị trực tuyến nhằm giảm bớt văn bản giấy tờ, hạn chế các cuộc họp tập trung.

2. Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số của ngành Giáo dục; tăng cường ứng dụng các nền tảng số trong GD&ĐT, tập trung triển khai các giải pháp chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

3. Tổ Thư ký Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch tại cơ quan Sở và các đơn vị giáo dục trong tỉnh; tổng hợp kết quả, đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh kịp thời nhằm hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

4. Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan như Sở TT&TT để huy động nguồn lực và chia sẻ tài nguyên phục vụ chuyển đổi số. Triển khai các ứng dụng CNTT thông nhất trong quản trị và dạy học.

5. Tăng cường và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội trong công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số; tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số, ứng dụng số, kỹ năng số cho cán bộ, giáo viên và học sinh trong toàn ngành.

6. Tăng cường tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên về chuyển đổi số, kỹ năng số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

7. Khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo thông qua việc tổ chức các cuộc thi, xây dựng cơ chế khen thưởng phù hợp. Hình thành các nhóm nghiên cứu, phát triển để tạo môi trường trao đổi, học hỏi. Thường xuyên tổ chức các diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm về chuyển đổi số trong toàn ngành.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Các ứng dụng dùng chung của tỉnh sử dụng ngân sách của tỉnh.

2. Các đơn vị giáo dục cần chủ động bố trí kinh phí để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại đơn vị, đảm bảo phù hợp với chủ trương, định hướng của ngành, của tỉnh.

3. Huy động nguồn lực xã hội hoá từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo và Tổ thư ký Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số

- Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2025.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Kế hoạch. Cần tập trung vào đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, kịp thời phát hiện khó khăn vướng mắc để có giải pháp tháo gỡ phù hợp, đảm bảo tiến độ thực hiện Kế hoạch.

2. Phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị trực thuộc Sở, trung tâm GDNH-GDTX các huyện, thị xã

- Chủ động tổ chức có hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi số của ngành Giáo dục, đảm bảo hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị, xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số chi tiết với lộ trình, mục tiêu và giải pháp thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế.

- Phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo, Tổ thư ký Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của ngành Giáo dục; tăng cường thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục trong tỉnh.

- Chủ trì, chỉ đạo thực hiện các nội dung phát triển chính quyền số tại đơn vị; phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai ứng dụng các phần mềm dùng chung trong toàn ngành Giáo dục.

- Phối hợp với bộ phận Tài chính - Kế hoạch Văn phòng Sở lập dự toán kinh phí thực hiện các nội dung chuyển đổi số trình cấp quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

- Hàng năm, tổng hợp báo cáo Sở GD&ĐT, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của ngành Giáo dục tình hình triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch.

3. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở

- Giao phòng Quản lý chất lượng giáo dục tham mưu lãnh đạo Sở GD&ĐT theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch và làm đầu mối tổng hợp; báo cáo kết quả thực hiện về Sở TT&TT, UBND tỉnh theo quy định.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở chủ động tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của Phòng có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch.

- Căn cứ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Bộ GD&ĐT, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và yêu cầu, nhiệm vụ, điều kiện thực tiễn của ngành GD&ĐT để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp, đảm bảo tính khả thi, nâng cao hiệu quả thực hiện.

- Thanh tra Sở xây dựng dựng kế hoạch hoặc lồng ghép thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GD&ĐT năm 2025.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin ngành GD&ĐT tỉnh Bình Phước năm 2025. Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị, các cơ sở giáo dục triển khai tổ chức thực hiện nghiệp vụ, kịp thời và hiệu quả./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở TT&TT;
- Giám đốc; các Phó Giám đốc
- Các phòng thuộc Sở;
- Phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thị xã;
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT, QLCLGD_(Ph).

GIÁM ĐỐC